

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày 04 tháng 8 năm 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Hiền

2. Ông Giáp Huy Tường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tống Lan H - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mai H, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B

Nơi ở: Thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B

Nơi làm việc: Công ty may Yakin Sài Gòn, Khu công nghiệp B, tỉnh B.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T – Luật sư Công ty TNHH Luật T– Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội ( có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi Đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Mai H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai H và anh Đỗ Văn L kết hôn ngày 02/8/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐăckDrô, huyện KrôngNô, tỉnh Đăck Nông. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

tại nhà bố mẹ đẻ chị H tại Ủy ban nhân dân xã ĐăkDrô, huyện KrôngNô, tỉnh Đăk Nông. Đến tháng 9/2010, vợ chồng chuyển về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh L tại Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, anh L sống buông thả, không có trách nhiệm với vợ con nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có hạnh phúc. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên có động viên hòa giải nên vợ chồng không nộp đơn ra Tòa. Năm 2017 chị H đưa con vào Thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B để sinh sống, mục đích để vợ chồng xa nhau một thời gian để bình tĩnh, suy nghĩ lại. Vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Minh T, sinh 02/7/2011, hiện đang sống cùng chị H và đang là học sinh lớp 5/2 Trường Tiểu học Nghĩa Trung- địa chỉ: Thôn 3, Nghĩa Tung, Bù Đăng, Bình Phước. Khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi cháu Tâm, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm tại Công ty TNHH Yakin Sài Gòn có địa chỉ tại Khu công nghiệp Bắc Đồng, khu phố Bàu Ké, TT P, huyện Đ, tỉnh B; thu nhập bình quân 5.200.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B nhưng đi làm ăn xa (ở Hà Nội), vẫn thường xuyên về nhà ở tại địa chỉ Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B. Tòa án đã niêm yết Thông báo Thụ lý vụ án, giấy báo làm việc, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của anh L nhưng anh L không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì. Ngày 15/7/2022, anh Đỗ Văn L có đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân huyện Việt Yên với nội dung như sau: *“Trong quá trình vụ án giải quyết, tôi bận công việc làm ăn tôi không thể về Tòa án để giải quyết vụ án được. Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên như sau:*

*Về quan hệ vợ chồng: Tôi rất mong muốn Tòa án thu xếp để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu cô H cố tình xin ly hôn thì tôi đồng ý*

*Về con chung vợ chồng tôi có một con chung Đỗ Minh T, sinh 02/7/2011. Nay cô H nuôi. Nếu cô H cố tình xin ly hôn tôi thì tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cô H đóng tiền nuôi dưỡng con chung.*

*Về tài sản, công nợ, ruộng đất nông nghiệp vợ chồng tôi không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.”*

Tại bản tự khai ngày 17/5/2022, cháu Đỗ Minh T là con chung của anh L, chị H trình bày cháu có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

*Tại biên bản làm việc ngày 30/5/2022, chính quyền địa phương nơi anh L cư trú cung cấp:* Anh Đỗ Văn L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, huyện

V, tỉnh B. Theo dư luận địa phương nắm được thì mâu thuẫn của chị H và anh L trong quá trình chung sống xuất phát từ việc anh L sử dụng ma túy. Khoảng năm 2017-2018, chị H đã đưa con chung đi khỏi địa phương không quay về địa phương chung sống với anh L nữa.

*Tại Biên bản làm việc ngày 30/5/2022, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh Đỗ Văn L cung cấp:* Chị Phạm Thị Mai H kết hôn với anh Đỗ Văn L vào năm 2010. Sau khi kết hôn, chị H và anh L làm ăn trong miền Nam một thời gian rồi về chung sống với gia đình bà tại Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng có một số mâu thuẫn, xảy ra cãi vã. Chị H và anh L đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị H và anh L có một con chung hiện đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có đơn đề nghị ly hôn bà T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cho con chung có đủ cả bố và mẹ. Bà T chỉ biết anh L hiện đang đi làm ăn tại Hà Nội còn không rõ địa chỉ cụ thể. Anh L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại và vẫn thường xuyên về thăm nhà. Bà T từ chối nhận văn bản tố tụng thay anh L.

*Tại phiên tòa ngày 18/7/2022:* Bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

*Tại phiên tòa ngày 04/8/2022:*

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Bị đơn vắng mặt không có lý do

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, gửi bài luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh L; giao con chung là Đỗ Minh T, sinh 02/7/2011 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Phạm Thị Mai H được ly hôn anh Đỗ Văn L.

+ Về nuôi con chung: Giao cho Phạm Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Minh T, sinh 02/7/2011.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét

xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đương sự.

[1] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[1.1] Chị Phạm Thị Mai H, anh Đỗ Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐăkDrô, huyện KrôngNô, tỉnh Đăk Nông ngày 02/8/2010, được UBND xã ĐăkDrô cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H, anh L chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống. Chị H, anh L đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 7/2021 đến nay. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh L cư trú và cung cấp của gia đình anh L thì do trong cuộc sống có mâu thuẫn nên chị H đã đưa con chung đi khỏi địa phương không quay về địa phương chung sống với anh L, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay.

[2.2] Anh L mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh L đến Tòa án để viết bản tự khai, để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L không đến, không cung cấp gì. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh L.

[3] Về nuôi con chung: Chị H, anh L có một con chung là Đỗ Minh T. Cháu Tâm hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đang học tại Trường Tiểu học Nghĩa Trung. Chị H có công việc, có thu nhập, cháu Tâm có nguyện vọng được ở cùng chị H. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, để con chung có cuộc sống và môi trường học tập ổn định, cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mai H được ly hôn anh Đỗ Văn L.
2. Về nuôi con chung: Giao cho Phạm Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Minh T, sinh 02/7/2011. Sau khi ly hôn, anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Phạm Thị Mai H phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên theo biên lai số 0006361 ngày 11/5/2022. Xác nhận chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;.
- VKSND huyện Việt Yên;.
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã ĐăkDrô, huyện KrôngNô;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Luyện**